

Số: 245 /BC-UBND

Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá về công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

Ngay từ đầu năm, với tinh thần quyết liệt đổi mới, sáng tạo, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị toàn tỉnh triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023, giao chỉ tiêu cụ thể cho từng sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; đã quán triệt các sở, ban, ngành, địa phương đổi mới phong cách chỉ đạo, điều hành và triển khai theo hướng “*làm gương, kỷ cương, trọng tâm, bứt phá*”¹ tập trung vào phát triển kinh tế xã hội phải gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính; giải quyết các nút thắt, điểm nghẽn, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp phát triển kinh tế. Với phương châm trong cải cách hành chính “Sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo chuẩn mực đối với chất lượng phục vụ của cơ quan công quyền”², UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị Đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh Bình Định với 500 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tại hội nghị, lãnh đạo UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành chức năng phải đổi mới tư duy, cách làm, phải hành động quyết liệt tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong chỉ đạo điều hành phục vụ người dân và doanh nghiệp, đồng thời tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp phát triển. Quan điểm của tỉnh là chính quyền đồng hành cùng doanh nghiệp, thành công của doanh nghiệp cũng là thành công của chính quyền; tỉnh xác định sẽ chuyển từ chính quyền hành chính sang chính quyền phục vụ người dân và doanh nghiệp; thực hiện công khai, minh bạch, công bằng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và nhất quán trong mọi công việc, tránh kiểu “*tư duy nhiệm kỳ*”³.

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa, hiện đại hóa, công khai,

¹ Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

² Văn bản số 216/TB-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh thông báo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn tại hội nghị đánh giá KT-XH 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023.

³ Thông báo số 230/TB-UBND ngày 30/6/2023 về ý kiến kết luận của đồng chí Phạm Anh Tuấn – Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị Đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh Bình Định với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

minh bạch thủ tục hành chính. Phát huy tính chủ động trong giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo giải quyết trong thời hạn quy định; không được đùn đẩy, né tránh trách nhiệm; tuyệt đối tránh tình trạng chờ nhà đầu tư liên hệ rồi mới xem xét, giải quyết. UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định số 4147/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh Bình Định. Một trong những điểm nổi bật của Quy chế là tổng thời gian giải quyết tất cả các thủ tục để triển khai các dự án ngoài Khu kinh tế, Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định rút ngắn xuống chỉ còn **118 ngày** (quy định hiện nay là **242 ngày**) được thực hiện qua 06 bước nộp hồ sơ nhờ thực hiện song song, đồng thời các thủ tục hành chính có liên quan đến nhau. Với tinh thần thực hiện quyết liệt, nhờ đó công tác thu hút đầu tư của tỉnh đạt những kết quả tích cực. Từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã thu hút mới 75 dự án, tổng vốn đăng ký gần 15.000 tỷ đồng, vượt 25% kế hoạch năm (gồm 69 dự án trong nước, vốn đăng ký 13.709 tỷ đồng và 06 dự án FDI, vốn đầu tư là 46,2 triệu USD). Trong đó, có 19 dự án trong KKT và các KCN; 56 dự án ngoài KKT và các KCN. Lũy kế đến nay, tại KKT và các KCN có 405 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 148.720 tỷ đồng (41 dự án FDI với vốn đăng ký trên 888,2 triệu USD), vốn đầu tư thực hiện khoảng 48.353 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 32,5% tổng vốn đăng ký).

Triển khai Công điện số 280/CD-TTg và Công điện số 968/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc *“không đùn đẩy hoặc chuyển công việc thuộc thẩm quyền của đơn vị mình lên cấp trên hoặc đến các cơ quan, đơn vị, địa phương khác”*⁴, *“chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu hiện nay”*⁵ đảm bảo kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 đảm bảo chất lượng, đúng thời gian quy định⁶ và định kỳ hàng tháng tổ chức Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến các sở, ban, ngành và 11 huyện, thị xã, thành phố để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ điều hành phát triển kinh tế - xã hội trong tháng và triển khai nhiệm vụ của tháng tiếp theo.

Ngay khi Bộ Nội vụ công bố kết quả các chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2022, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị thảo luận các giải pháp nâng cao các chỉ số liên quan đến công tác cải cách hành chính của tỉnh. Các chỉ số đã được phân tích, xác định những nội dung giảm điểm để xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao các chỉ số trên cơ sở tiếp tục duy trì và phát huy những chỉ số thành phần

⁴ Công văn số 2953/UBND-NC ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Công điện số 280/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

⁵ Công văn số 7873/UBND-NC ngày 24/10/2023 của UBND tỉnh về việc tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính các cấp.

⁶ Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm năm 2023.

được đánh giá tích cực, có kết quả cao, bên cạnh đó, các chỉ số thành phần có kết quả thấp, chưa đạt kế hoạch đề ra, cần xác định những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể thực hiện để tất cả các tiêu chí, tiêu chí thành phần của các chỉ số có kết quả cao hơn trong năm 2023⁷. Sau các cuộc họp, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX năm 2023 của tỉnh⁸; trong đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cho từng chỉ số thành phần, từng lĩnh vực nội dung và phân công trách nhiệm thực hiện cho sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã để đạt được mục tiêu chung đề ra trong năm 2023.

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định kiện toàn⁹ và Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh Bình Định¹⁰. Theo đó, Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo đã quy định rõ về nguyên tắc, chế độ làm việc; nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo; chế độ họp, thông tin, báo cáo của Ban Chỉ đạo. Ban Chỉ đạo đã tổ chức Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ đánh giá kết quả triển khai thực hiện trong 3 năm (2021 – 2023) và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới¹¹ theo Kế hoạch sơ kết¹²; tổ chức phiên họp thứ ba đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm đến cuối năm 2023¹³. Đồng thời, ban hành Kế hoạch kiểm tra năm 2023¹⁴, theo đó, Đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo tiến hành kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng kế hoạch và kết quả tổ chức thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU tại 03 địa phương: Quy Nhơn, Vân Canh, Phù Cát; qua kiểm tra, nhằm đánh giá đúng thực trạng công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ đã đề ra; đánh giá những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân; những mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả và bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính theo Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh đề ra¹⁵, đã yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan thuộc tỉnh thực hiện việc rà soát, tự đánh giá chất lượng các nhiệm vụ quý, năm thuộc Chương trình công tác trọng tâm hằng năm¹⁶. Các cấp, các ngành đã có nhiều nỗ lực, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính phù hợp với tình hình thực tiễn và mang lại hiệu quả thiết

⁷ Thông báo số 177/TB-UBND ngày 26/5/2023 về ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn tại cuộc họp bàn giải pháp nâng cao kết quả các chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh.

⁸ Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh.

⁹ Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh.

¹⁰ Quyết định số 57/QĐ-BCĐCCHC ngày 23/5/2023 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính.

¹¹ Thông báo số 07-TB/BCĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 về ý kiến kết luận của Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phạm Anh Tuấn, Trưởng ban Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09 của Tỉnh ủy.

¹² Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 12/5/2023 của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Tỉnh ủy.

¹³ Thông báo số 06-TB/BCĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về kết luận phiên họp thứ ba của Ban Chỉ đạo Chương trình hành động 09-CTr/TU của Tỉnh ủy.

¹⁴ Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 12/5/2023 của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU của Tỉnh ủy.

¹⁵ Kế hoạch số 4510/KH-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh.

¹⁶ Công văn số 7802/UBND-KSTT ngày 21/10/2023 của UBND tỉnh.

thực. Những kết quả đạt được trong công tác cải cách hành chính đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để phát huy nội lực, thu hút tốt nguồn lực bên ngoài, góp phần thực hiện thắng lợi và hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Để đánh giá công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2023 thực chất khách quan, trên cơ sở Quyết định sửa đổi Bộ chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính¹⁷, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Quyết định ban hành Kế hoạch khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định¹⁸ và ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các cơ quan thuộc UBND; UBND các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh¹⁹; các tiêu chí đánh giá Bộ chỉ số bảo đảm phù hợp với quy định của Bộ Nội vụ và thực tế của địa phương theo nguyên tắc: các tiêu chí phải được lượng hóa để đánh giá, đối với các tiêu chí không lượng hóa được thì tiến hành đánh giá qua điều tra xã hội học; cân đối lại điểm giữa các tiêu chí; nghiên cứu bổ sung điểm thưởng/điểm trừ để đánh giá ghi nhận những cố gắng, nỗ lực hoặc chế tài sự trì trệ, chậm đổi mới trong công tác cải cách hành chính nhằm đảm bảo phù hợp với đặc thù của các cơ quan, đơn vị, địa phương²⁰.

2. Triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính

Năm 2023, UBND tỉnh xác định 27 nhiệm vụ trọng tâm trên 6 lĩnh vực của nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh²¹. Đến nay, đã hoàn thành 27/27 nhiệm vụ đề ra, các quyết định, kế hoạch của UBND tỉnh ban hành làm cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính theo tiến độ đảm bảo mục tiêu chung đề ra (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Trong năm 2023, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành gần 100 văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ hành chính, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo các Nghị quyết của Chính phủ. Việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính đã được UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, tích cực thông qua việc 100% các sở, ngành, địa phương kịp thời ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 với các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể.

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

Trong năm 2023, đã tiến hành kiểm tra công tác cải cách hành chính tại 09 Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; 03 huyện, thị xã và 03 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh; kiểm tra chuyên đề về công tác giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và kết quả khắc phục những tồn tại, hạn chế theo

¹⁷ Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh.

¹⁸ Kế hoạch 158/KH-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh.

¹⁹ Quyết định số 3718/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 của các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

²⁰ Công văn số 4429/UBND-KSTT ngày 30/6/2023 về việc hoàn thiện nội dung Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

²¹ Kế hoạch số 4510/KH-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh.

thông báo kết luận luận kiểm tra cải cách hành chính từ năm 2020 đến năm 2022 tại 03 huyện và 07 xã, phường, thị trấn. Qua kiểm tra, một số tồn tại, hạn chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã được Đoàn Kiểm tra hướng dẫn khắc phục đảm bảo thực hiện các nội dung theo Kế hoạch đề ra²²; theo đó, Đoàn Kiểm tra công tác cải cách hành chính đã Báo cáo kết quả kiểm tra về việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương²³.

Ngoài ra, Tổ Kiểm tra công vụ của tỉnh đã tiến hành kiểm tra 07 đợt đối với 96 lượt/95 cơ quan, đơn vị, địa phương. Trong quá trình kiểm tra, chỉ một số ít các cơ quan, đơn vị, địa phương còn có hạn chế nhưng không lớn đã được Tổ Kiểm tra công vụ hướng dẫn, nhắc nhở và đề nghị chấn chỉnh, khắc phục ngay. Tổ Kiểm tra công vụ sẽ tiếp tục theo dõi, tăng cường giám sát, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những khuyết điểm, hạn chế trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong năm 2023.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 11/01/2023 về truyền thông tỉnh Bình Định năm 2023 và Kế hoạch truyền thông về công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023²⁴ tập trung tuyên truyền để người dân và cộng đồng doanh nghiệp biết về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội gắn với công tác cải cách hành chính của tỉnh; các sự kiện hội nhập kinh tế quốc tế nổi bật của tỉnh năm 2023; tổ chức 03 hội nghị về công tác cải cách hành chính: Hội công bố các chỉ số liên quan đến công tác cải cách hành chính năm 2022 và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm năm 2023; Hội nghị về tập huấn công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Hội nghị họp bàn các giải pháp nâng cao các chỉ số và triển khai các nội dung thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Đề án 06) trên địa bàn tỉnh.

Trong năm 2023, các cơ quan truyền thông của tỉnh và trên các nền tảng chuyển đổi số đã có gần 200 tin, bài tuyên truyền về kết quả đánh giá các chỉ số: PAR INDEX, SIPAS, DDCI, triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2023 và các nội dung liên quan đến cải cách hành chính của tỉnh. Trong đó, Đài phát thanh và Truyền hình Bình Định thực hiện phóng sự “Cải cách hành chính hướng đến người dân và doanh nghiệp”; Báo Bình Định xây dựng 03 số Tạp chí truyền hình “Pháp luật và Đời sống”; phối hợp với Cục Báo chí – Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức Diễn đàn “*Vai trò của báo chí – truyền thông trong quảng bá thu hút đầu tư vào Bình Định*” thu hút 100 đại biểu là đại diện các cơ quan báo ở trung ương và địa phương,...

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

²² Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh.

²³ Báo cáo số 162/BC-ĐKT ngày 15/12/2023 của Đoàn kiểm tra cải cách hành chính.

²⁴ Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 19/3/2023 của UBND tỉnh

Đến nay, UBND tỉnh đã triển khai, cập nhật báo cáo và được Văn phòng Chính phủ phê duyệt hoàn thành đối với 79/168 nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, đang tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định đối với 89 nhiệm vụ trong hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL):

Trong năm 2023, HĐND, UBND các cấp ban hành 173 văn bản quy phạm pháp luật; trong đó, HĐND, UBND tỉnh ban hành 128 văn bản (29 Nghị quyết và 99 Quyết định); HĐND, UBND cấp huyện ban hành 43 văn bản (10 nghị quyết và 34 quyết định); UBND cấp xã ban hành 02 quyết định.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật (THTHPL): UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định²⁵. Trên cơ sở Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 28/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo xác định lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo dõi THTHPL năm 2023, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm cần theo dõi trong năm 2023. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 về thành lập Đoàn kiểm tra, khảo sát THTHPL năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: UBND tỉnh đã ban hành: Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023²⁶; Kế hoạch về tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước cho thanh niên từ nay đến năm 2030²⁷; Kế hoạch về phổ biến các văn bản luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 4 và Kỳ họp bất thường lần thứ hai²⁸; Báo cáo về Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022²⁹; Kế hoạch hoạt động của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh năm 2023³⁰; Kế hoạch Tập huấn kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho Báo cáo viên pháp luật tỉnh³¹; ...

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh là đoàn viên, thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại 02 Trường Phổ thông Dân tộc nội trú³² nhằm trang bị, nâng cao kiến thức pháp luật về hôn nhân và gia đình; về kết hôn, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Qua đó, góp phần thay đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân của đồng bào dân tộc thiểu số; ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc

²⁵ Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh

²⁶ Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của UBND tỉnh

²⁷ Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh

²⁸ Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh

²⁹ Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh

³⁰ Kế hoạch số 43/KH-HĐPB ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh

³¹ Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh

³² Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Vân Canh và huyện Vĩnh Thạnh, với 02 hoạt động chính là phổ biến kiến thức pháp luật và thi tìm hiểu pháp luật dưới hình thức rung chuông vàng.

thiếu số và miền núi. UBND tỉnh tổ chức Cuộc thi “Hòa giải viên giỏi” tỉnh Bình Định năm 2023 nhằm tạo diễn đàn giao lưu, học tập, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL:

+ Công tác tự kiểm tra: Thực hiện tự kiểm tra 128 văn bản (trong đó có 29 nghị quyết, 99 quyết định). Kết quả, các văn bản do UBND tỉnh ban hành đều đảm bảo quy định về thẩm quyền ban hành; căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản cơ bản phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Công tác kiểm tra theo thẩm quyền: thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 30/30 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện ban hành. Qua kiểm tra, chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật về nội dung và thẩm quyền.

+ Về công tác rà soát VBQPPL: Công tác rà soát được thực hiện thường xuyên, kịp thời và đúng theo quy định của pháp luật. Các sở, ban, ngành đã tiến hành rà soát và tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành các văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 22 nghị quyết; và trình UBND tỉnh ban hành các văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 84 quyết định.

+ Công tác hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 ban hành Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh kỳ 2019-2023. Theo đó, đến thời điểm ngày 13/12/2023, đã tổng hợp 1.265 văn bản thuộc đối tượng rà soát, hệ thống hóa kỳ 2019-2023.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: Theo Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn tỉnh có 34 thủ tục hành chính³³ thuộc phạm vi rà soát, đánh giá. Đến nay, đã hoàn thành quy trình rà soát, đánh giá³⁴ và được Chủ tịch UBND tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa: giảm thời hạn giải quyết, thành phần hồ sơ đối với 34 thủ tục hành chính, số tiền tiết kiệm được hơn 53 tỷ đồng/năm, tỷ lệ chi phí tiết kiệm được từ 4% đến 61%.

³³ Gồm có: Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh (07 TTHC) và các Sở: Tài chính (01 TTHC), Giao thông vận tải (01 TTHC), Du lịch (01 TTHC), Xây dựng (04 TTHC), Giáo dục và Đào tạo (01 TTHC), Văn hóa và Thể thao (01 TTHC), Lao động – Thương binh và Xã hội (03 TTHC), Tài nguyên và Môi trường (04 TTHC), Tư pháp (04 TTHC), Công Thương (01 TTHC), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 TTHC), Nội vụ (01 TTHC), Khoa học và Công nghệ (01 TTHC), Y tế (02 TTHC).

³⁴ 15 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa TTHC gồm (Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 07/3/2023; Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 08/3/2023, Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 14/3/2023, Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 20/3/2023, Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 26/5/2023, Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 29/6/2023, Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 30/6/2023, Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 03/8/2023, Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 19/7/2023, Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 26/7/2023, Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 04/8/2023, Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 05/8/2023, Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 16/8/2023, Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 16/8/2023).

+ Trong năm 2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 88 Quyết định công bố Danh mục với 710 TTHC (trong đó ban hành mới 53 TTHC, sửa đổi, bổ sung 565 TTHC, thay thế 06 TTHC; bãi bỏ 86 TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành và thực hiện việc tích hợp dữ liệu; nhập sửa đổi, bổ sung thông tin các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định. Đồng thời, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 77 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 137 TTHC liên thông và 146 TTHC không liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành.

+ Thực hiện Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh Bình Định (Quyết định số 4147/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023). Đến nay, có 04 cơ quan³⁵ đã tham mưu trình công bố 22 thủ tục hành chính liên quan đến giải quyết liên quan về đầu tư, xây dựng, môi trường. Qua việc rút ngắn quy trình giải quyết thủ tục hành chính, đã phát huy tính chủ động trong giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, đảm bảo giải quyết trong thời hạn quy định; không được đùn đẩy, né tránh trách nhiệm; tuyệt đối tránh tình trạng chờ nhà đầu tư liên hệ rồi mới xem xét, giải quyết, nhờ đó công tác thu hút đầu tư của tỉnh đạt những kết quả tích cực.

+ Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt 02 Quyết định³⁶ công bố danh mục 55 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025. Đồng thời, đã ban hành Quyết định³⁷ phê duyệt phương án đơn giản hóa 15 thủ tục hành chính nội bộ³⁸ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định. Số tiền tiết kiệm được sau khi đơn giản hóa 15 thủ tục hành chính hơn 344.790.324 đồng/năm.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Chủ tịch UBND tỉnh ban hành “Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh”; ban hành văn bản³⁹ đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ xem xét, cắt giảm theo hướng nhóm gộp 48 TTHC trong lĩnh vực “Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp” thành 07 TTHC tương ứng với 07 quy trình điện tử hiện đang được thiết lập trên “Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận và phúc đáp tại Công văn số 7651/BKHĐT-ĐKKD ngày 18 tháng 9 năm 2023.

³⁵ Gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư (01 TTHC), Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (09 TTHC), Sở Xây dựng (09 TTHC), Sở Tài nguyên và Môi trường (03 TTHC về lĩnh vực Môi trường)

³⁶ Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 29/4/2023 và Quyết định số 3744/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh.

³⁷ Quyết định số 4617/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

³⁸ Phương án đơn giản hóa cụ thể: giảm và quy định cụ thể thời hạn giải quyết đối với 14 TTHC và bãi bỏ 01 TTHC.

³⁹ Công văn số 4578/UBND-KSTT ngày 04/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh kiến nghị đơn giản hóa, cắt giảm TTHC cấp tỉnh thuộc lĩnh vực “Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp”.

+ Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện rà soát, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm các bước trung gian không cần thiết nhằm rút ngắn thời gian giải quyết⁴⁰. Kết quả thực hiện, đến nay đã tái cấu trúc 42 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của 06 sở⁴¹. Ban hành 02 Quyết định⁴² phê duyệt Phương án tái cấu trúc quy trình thực hiện thủ tục “Chứng thực bản sao từ bản chính” và tái cấu trúc quy trình thực hiện 03 thủ tục hành chính về “Giao dịch bảo đảm” phục vụ nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần.

+ UBND tỉnh ban hành Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định”. Đến nay, đã hoàn thành việc chuyển giao tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và một số địa phương cấp huyện. Trong năm 2023, Trung tâm đã giải quyết đúng hạn 85.684 hồ sơ/88.378 hồ sơ, đạt tỷ lệ 99,96%, Văn phòng UBND tỉnh đã hoàn thành việc thay thế 24 công chức, viên chức các sở, ngành bằng 17 nhân viên bưu điện để thực hiện nhiệm vụ tại Trung tâm.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC:

+ UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt, chấn chỉnh việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trễ hạn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; trong đó có giải pháp định kỳ hằng tháng và lũy kế cho cả năm 2023 công khai danh sách tổ chức, cá nhân giải quyết chậm/muộn hồ sơ thủ tục hành chính từ tháng 4/2022⁴³. Đến nay, tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt 99,90% tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước.

Kết quả từ ngày 15 tháng 12 năm 2022 đến hết ngày 14 tháng 12 năm 2023, toàn tỉnh đã tiếp nhận 522.647 hồ sơ. Trong đó, số lượng hồ sơ đã giải quyết: 509.488 hồ sơ (bao gồm: 479.091 hồ sơ giải quyết trước hạn, 29.902 hồ sơ giải quyết đúng hạn và 495 hồ sơ giải quyết trễ hạn). Số lượng hồ sơ đang giải quyết và còn trong hạn: 13.153 hồ sơ.

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC:

+ UBND tỉnh ban hành Kế hoạch⁴⁴ và Công văn⁴⁵ hướng dẫn triển khai công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; tham mưu triển khai nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường phối hợp thực hiện Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2022 – 2027” được phê duyệt tại Quyết định số

⁴⁰ Công văn số 2468/UBND-KSTT ngày 21/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴¹ Nội vụ, Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

⁴² Quyết định số 3736/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 và Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁴³ Công văn số 2206/UBND-KSTT ngày 26/4/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁴⁴ Quyết định số 4023/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh.

⁴⁵ Công văn số 8238/UBND-KSTT ngày 27/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

5299/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh (Đề án 5299), góp phần làm chuyển biến việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh. Đến nay, có 22.307 hồ sơ do đoàn viên thanh viên thực hiện bằng hình thức trực tuyến, đạt tỷ lệ 81%/80%.

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong năm 2023 như sau: Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ bình quân của cả tỉnh đạt 68.15%, trong đó cấp tỉnh đạt 83.4%, cấp huyện (bao gồm cấp xã) đạt 64.7%. Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử bình quân của cả tỉnh đạt 90.8%, trong đó cấp tỉnh đạt 93.3%, cấp huyện (bao gồm cấp xã) đạt 90.8%.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Đã tiếp nhận 159 phản ánh, kiến nghị gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, qua đó xử lý, chuyển cơ quan chức năng trả lời và công khai theo đúng quy định (trong đó, có 152 phản ánh, kiến nghị đã xử lý và 07 phản ánh, kiến nghị đang trong hạn xử lý).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, trong năm 2023, UBND tỉnh ban hành mới quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 10 cơ quan, đơn vị⁴⁶; ban hành Quyết định đính chính Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Du lịch, đính chính Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính theo Kết luận số 6616/KL-BNV ngày 23/12/2022 của Bộ Nội vụ⁴⁷.

Quyết định đổi tên 13 đơn vị⁴⁸; phê duyệt Phương án sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh Bình Định thuộc Sở Văn hóa và Thể thao, kết quả giảm 03 đơn vị cấp phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập. Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Ban Quản lý dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định; báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh không thành lập Đội quản lý trật tự đô thị cấp huyện.

⁴⁶ Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh, Trung tâm Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Trung tâm Văn hóa tỉnh thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Định, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Bình Định thuộc Sở Y tế; Thư viện tỉnh thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; Trung tâm Xúc tiến du lịch Bình Định thuộc Sở Du lịch.

⁴⁷ Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 20 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 02 tổ chức hành chính nhà nước khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (với 10 phòng); có 136 tổ chức bên trong: 122 phòng chuyên môn thuộc sở, ban, ngành và 14 Chi cục/ban. Đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện: Tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã và 08 huyện), có 135 phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là 721 đơn vị sự nghiệp (trong đó: đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có 07 đơn vị; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở, ban, ngành có 122 đơn vị; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có 592 đơn vị).

⁴⁸ Đổi tên Trung tâm Thông tin Xúc tiến du lịch Bình Định thành Trung tâm Xúc tiến du lịch Bình Định trực thuộc Sở Du lịch; Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm, mỹ phẩm tỉnh Bình Định thành Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Bình Định; đổi tên 11 trường trung học phổ thông thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 10/7/2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị; Kế hoạch tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định; thẩm định đề án vị trí việc làm của Sở Nội vụ, Sở Tư pháp.

Hoàn thiện Danh mục các cơ quan, tổ chức hành chính, sự nghiệp phục vụ định danh theo Đề án 06 của Chính phủ và theo yêu cầu của Bộ Nội vụ. Theo đó, tiến hành cập nhật thông tin lên phần mềm trên cơ sở dữ liệu nền hoàn thành đảm bảo tiến độ. Với tổng số cơ quan, đơn vị rà soát cập nhật là 1.303 cơ quan, đơn vị (*trong đó có 510 cơ quan hành chính, 793 đơn vị sự nghiệp công lập*).

- *Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức:* Đề quản lý và sử dụng hiệu quả biên chế của tỉnh giai đoạn 2022 - 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 30/12/2022 về việc quản lý, sử dụng biên chế của tỉnh giai đoạn 2022 - 2026⁴⁹; Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về việc giao biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2023, cụ thể: tổng số biên chế công chức trong các cơ quan hành chính là 2.187 biên chế (*giảm 18 biên chế so với năm 2022*); tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 25.938 người (*giảm 541 người so với năm 2022*); giao số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là: 362 người. Đến nay, tỉnh đã thực hiện tinh giản 268 biên chế công chức so với biên chế được giao năm 2015 (2.455 biên chế), tỷ lệ 10,92%; giảm 4.090 người so với số được giao năm 2015 (30.028 người làm việc), tỷ lệ 13,62%.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch quản lý biên chế của tỉnh giai đoạn 2024 - 2026; Quyết định biên chế công chức hành chính và phê duyệt số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2024. Trong đó: tổng số biên chế công chức năm 2024 là 2.162 biên chế, giảm 25 biên chế so với năm 2023⁵⁰; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2024 là 25.397 người, giảm 541 người so với năm 2023⁵¹; số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là: 489 người.

- *Thực hiện chính sách tinh giản biên chế:* UBND tỉnh phê duyệt chính sách tinh giản biên chế năm 2023 theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định

⁴⁹ Theo đó, tổng số biên chế công chức của các tổ chức hành chính nhà nước đến hết năm 2026 là 2.095 biên chế, giảm 110 biên chế (tỷ lệ 5%), tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập đến hết năm 2026 là 24.318 người, giảm 2.702 người (tỷ lệ 10%) đảm bảo theo quy định.

⁵⁰ cụ thể: 1.240 công chức các sở, ban, ngành tỉnh, giảm 14 biên chế so với năm 2023; 922 công chức các huyện, thị xã, thành phố, giảm 11 biên chế so với năm 2023.

⁵¹ cụ thể: Các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 20.603 người; Các đơn vị sự nghiệp y tế: 3.317 người; Các đơn vị sự nghiệp văn hóa - thông tin - thể thao: 585 người; Các đơn vị sự nghiệp khác: 892 người.

số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP đối với 40 cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện (trong đó có 08 cán bộ, công chức; 32 viên chức) với tổng số kinh phí là 6.616.492.000 đồng⁵².

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền: Nhằm tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; phát huy tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu, thực hiện tốt việc kiểm soát quyền lực nhà nước, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ nhân dân, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước⁵³. Kế hoạch xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa UBND tỉnh với các sở, ngành và UBND cấp huyện nhằm đảm bảo sự quản lý thống nhất, phát huy được tính chủ động, trách nhiệm và tinh thần sáng tạo của các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương, khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm; đồng thời qua đó nâng cao trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn kiểm tra, thanh tra trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân cấp góp phần thực hiện tốt việc cải cách hành chính và hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - chính trị trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, các cơ quan, địa phương đang thực hiện các nhiệm vụ phân cấp, ủy quyền của 16 ngành, lĩnh vực theo Kế hoạch. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã triển khai nhân rộng mô hình phân cấp của UBND thành phố Hà Nội đến các cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời, yêu cầu tiến hành, rà soát các nhiệm vụ đã được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước, từ đó đề xuất lĩnh vực UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp, phân quyền cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

4. Về cải cách chế độ công vụ

- Công tác xây dựng thể chế, chính sách: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 bãi bỏ một phần của Quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo kèm theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019; Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 bãi bỏ Quyết định số 3956/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 về Quy định tạm thời chính sách hỗ trợ đối với người làm việc trong biên chế sự nghiệp tại Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố.

⁵² Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4327/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2023 đối với 19 cán bộ, công chức, viên chức với tổng số kinh phí là 3.395.514.000 đồng; Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt II năm 2023 đối với 17 cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện, với tổng số kinh phí là: 2.602.930.000 đồng; Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt II năm 2023 (bổ sung) đối với 03 cán bộ, viên chức với kinh phí 357.667.000 đồng; Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 26/09/2023 phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt II năm 2023 (bổ sung) đối với ông Đào Văn Khôi, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh với kinh phí thực hiện chi trả 260.381.000 đồng.

⁵³ Kế hoạch 153/ KH-UBND ngày 07/9/2023 của UBND tỉnh.

UBND tỉnh ban hành các văn bản triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁵⁴.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển): thực hiện công tác tuyển dụng công chức đúng quy định của pháp luật. Đã thực hiện tuyển dụng công chức bằng hình thức tiếp nhận vào làm công chức đối với 28 trường hợp (*thông qua kiểm tra, sát hạch: 21 trường hợp; tiếp nhận để bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý: 06 trường hợp; đã từng là công chức: 01 trường hợp*).

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025, với 11 chỉ tiêu và dự kiến thực hiện vào quý I năm 2024; phê duyệt nhu cầu thu hút bác sĩ, được sĩ vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế, với 117 chỉ tiêu. Đến nay, Sở Y tế đã tuyển dụng được 24 bác sĩ, được sĩ (23 bác sĩ, 01 được sĩ). Thẩm định, thỏa thuận kế hoạch, nhu cầu tuyển dụng viên chức năm 2023 tại 18 cơ quan, đơn vị, địa phương⁵⁵, với tổng số 1.706 chỉ tiêu. Đến nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện tuyển dụng đối với 908 viên chức (*trong đó: theo chỉ tiêu năm 2022: 553 viên chức, chỉ tiêu năm 2023: 355 viên chức*).

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức: Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh các nội dung về công tác cán bộ, bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Ưu tiên lựa chọn, bố trí cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý, đến nay đã bố trí 13/20⁵⁶ (tỷ lệ 65%) cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có cán bộ lãnh đạo là nữ. Căn cứ vào kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, đã trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý theo thẩm quyền, cụ thể: quyết định tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm 03 Giám đốc Sở⁵⁷; điều động, bổ nhiệm 07 Phó Giám đốc Sở và tương đương⁵⁸; bổ

⁵⁴ Công văn số 2953/UBND-NC ngày 12/5/2023 triển khai thực hiện Công điện số 280/CĐ-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các bộ, cơ quan, địa phương; Công văn số 3462/UBND-NC ngày 30/5/2023 quán triệt thực hiện nghiêm các quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức theo Công văn số 2489/BNV-CCVC ngày 26/5/2023 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; Công văn số 6549/UBND-NC ngày 11/9/2023 về thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TU ngày 10/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu hiện nay; Công văn số 982/UBND-NC ngày 28/02/2023 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức.

⁵⁵ Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Y tế; Đài Phát thanh và Truyền hình; Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Ban Quản lý Dự án các công trình giao thông; Văn phòng Ban an toàn giao thông; Trường Cao đẳng Y tế; Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn; Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước; Ủy ban nhân dân huyện Phù Cát; Ủy ban nhân dân huyện Phù Mỹ; Ủy ban nhân dân thị xã Hoài Nhơn; Ủy ban nhân dân huyện Hoài Ân; Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh; Ủy ban nhân dân huyện Vân Canh.

⁵⁶ Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế.

⁵⁷ Ông Lê Hoàng Nghi, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; ông Nguyễn Thành Hải, Giám đốc Sở Tài chính; bà Đỗ Thị Diệu Hạnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

⁵⁸ Ông Trương Quang Phong, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, ông Huỳnh Ngọc Hoàng, Phó Giám đốc Sở Xây dựng; ông Trần Thúc Kham, Phó Giám đốc Sở Công Thương; ông Phạm Văn Thành, Phó Giám đốc Sở Tài chính; ông Lê Huy Vũ, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; ông Ngô Anh Tuấn, Phó Giám đốc Ban

nhệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với 03 Giám đốc Sở và tương đương⁵⁹; bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ 06 Phó Giám đốc Sở và tương đương⁶⁰; bổ nhiệm Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng kiêm nhiệm, Phó Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025; bổ nhiệm lại Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định; thống nhất nhân sự bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn.

Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể và cá nhân cán bộ, lãnh đạo, quản lý năm 2022⁶¹; Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xếp loại chất lượng năm 2022 đối với 17 viên chức quản lý⁶² và 36 người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp⁶³ thuộc thẩm quyền.

Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2020 - 2025 và nhiệm kỳ 2026 - 2031: Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định phê duyệt đối với 35 lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý (*nhiệm kỳ 2020 - 2025 là 15 lượt và nhiệm kỳ 2026 - 2031 là 20 lượt*); Ban cán sự đảng UBND tỉnh đã quyết định phê duyệt đối với 139 lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý (*nhiệm kỳ 2020 - 2025 là 37 lượt và nhiệm kỳ 2025 - 2030 là 102 lượt*).

Phối hợp, tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch số 56-KH/TU ngày 05/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm đối với chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh quản lý. Đến nay 100% các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã hoàn thành việc lấy phiếu tín nhiệm theo kế hoạch (26 cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và 08 doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh). Tổng số, có 120/136 cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng lấy phiếu tín nhiệm, gồm có 81/93 giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương và 39/43 lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước⁶⁴.

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: có 04 công chức lãnh đạo, quản lý đạt kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên cao cấp năm 2023 (Bộ

Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh; ông Hồ Quang Trung, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh.

⁵⁹ Bổ nhiệm lại ông Đào Văn Khôi, Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; kéo dài thời gian giữ chức vụ: Ông Ngô Văn Tổng, Giám đốc Sở Công Thương; ông Trần Đình Đạt, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế.

⁶⁰ Ông Nguyễn Đình Hùng, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; ông Trần Vũ Thanh Hùng, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; ông Đặng Văn Việt, Phó Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; bà Châu Thị Hương Lan, Phó Giám đốc Sở Tư pháp; ông Phan Viết Hùng, Phó Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; ông Lê Đức Nhã, Phó Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.

⁶¹ Kết quả đánh giá, xếp loại cá nhân lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Giám đốc Sở và tương đương: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 7/35 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 28/35 người; Phó Giám đốc Sở và tương đương: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 13/62 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 49/62 người.

⁶² Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 04 người; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 13 người.

⁶³ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 17 người; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 19 người.

⁶⁴ Có 20 cán bộ lãnh đạo, quản lý không thuộc đối tượng lấy phiếu tín nhiệm vì bổ nhiệm, nghỉ hưu trong năm 2023.

Nội vụ tổ chức) và được Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm và xếp lương ngạch chuyên viên cao cấp.

UBND tỉnh ban hành Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 18/5/2023 tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức lên chuyên viên và tương đương của tỉnh Bình Định năm 2023; Đề án số 04/ĐA-UBND ngày 18/5/2023 tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức lên chuyên viên chính và tương đương của tỉnh Bình Định năm 2023; Quyết định số 2767/QĐ-UBND ngày 25/07/2023 về việc phê duyệt cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính các cơ quan, đơn vị tỉnh Bình Định năm 2023; Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 05/4/2023 xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Lưu trữ viên trung cấp lên Lưu trữ viên tỉnh Bình Định năm 2023; Quyết định số 4521/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt danh sách cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2023.

Kết quả, đã xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Lưu trữ viên trung cấp lên Lưu trữ viên tỉnh Bình Định năm 2023 đối với 03 viên chức; thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Y tế đã trúng tuyển kỳ thăng hạng chức danh nghề nghiệp do Bộ Y tế tổ chức với 21 trường hợp; phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế năm 2023 là 384 chỉ tiêu; quyết định bổ nhiệm ngạch thanh tra viên chính đối với 01 công chức và bổ nhiệm ngạch thanh tra viên đối với 15 công chức; miễn nhiệm ngạch thanh tra viên đối với 03 công chức. Hiện nay, đang triển khai công tác chuẩn bị đảm bảo các điều kiện để UBND tỉnh tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức lên chuyên viên chính trong 02 ngày (23/12/2023 và 24/12/2023).

- Thực hiện chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức:

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các quy định về chế độ chính sách và tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý được kịp thời, đúng quy định. Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định nâng bậc lương thường xuyên 27 người; nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích 16 người; xếp hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung 06 người; nâng phụ cấp thâm niên nghề 05 người; nâng bậc lương trước thời hạn để nghỉ hưu 04 người. Thực hiện quyết định nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với 07 người⁶⁵; quyết định kỷ luật đối với 01 cán bộ⁶⁶. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định kỷ luật đối với 01 cán bộ⁶⁷, các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định kỷ luật 67 công chức, viên chức (trong đó, có 05 cán bộ, công chức cấp huyện trở lên, 08 công chức cấp xã, 54 viên chức).

⁶⁵ Ông Nguyễn Mỹ Quang, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; ông Phạm Văn Thủy, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh; bà Nguyễn Thị Tuyết Mai, Phó Giám đốc Sở Tài chính; ông Nguyễn Văn Hùng, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, ông Trương Đình Hy, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, ông Phạm Đình Tòng, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, bà Lê Thị Diễm, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

⁶⁶ Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn do đã có vi phạm, khuyết điểm trong công tác và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã thi hành kỷ luật đảng.

⁶⁷ Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn do đã có vi phạm, khuyết điểm trong công tác và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã thi hành kỷ luật đảng.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 14/02/2023 đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023; Quyết định số 2106/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2023 – 2025. Trong năm 2023, đã tổ chức 11 lớp bồi dưỡng cho 839 lượt người⁶⁸; đồng thời, các cơ quan, đơn vị, địa phương cử đi đào tạo lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho 719 lượt người, bồi dưỡng cho 8.004 lượt người.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố giai đoạn 2023 – 2025; theo đó, từ ngày 16/3/2023 đến ngày 02/4/2023, đã tham mưu tổ chức thành công 24 lớp đào tạo, bồi dưỡng trong 03 đợt⁶⁹ (mỗi đợt có 08 lớp) cho 1.702/1.737 cán bộ, công chức cấp xã (đạt 97,98% trong tổng số cán bộ, công chức được triệu tập). Qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng đã cập nhật những kiến thức mới và bổ sung những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành, giải quyết công việc ở xã, phường, thị trấn; góp phần nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, tạo sự chuyển biến cơ bản về nhận thức của cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý nhà nước, góp phần thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở xã, phường, thị trấn năm 2023.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, địa phương: UBND tỉnh chỉ đạo tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phương thức, lề lối làm việc, kiên quyết xử lý theo quy định những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm, tiêu cực, tự ý đặt ra thủ tục hành chính không đúng quy định hoặc để chậm, muộn hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, vi phạm đạo đức công vụ.

UBND tỉnh ban hành Công văn số 982/UBND-NC ngày 28/02/2022 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng và ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác. Kết quả đã có 39/39 (100%) cơ quan, đơn vị, địa phương (28/28 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; 11/11 Ủy ban nhân dân cấp huyện) xây dựng và ban hành kế hoạch, với 439 vị trí công tác trong năm 2023. Đến nay, đã có 491 cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chuyển đổi vị trí công tác.

- Tình hình cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện Công văn số 622/BNV-VP ngày 20/02/2023 của Bộ Nội vụ về đồng bộ dữ

⁶⁸ 01 lớp lãnh đạo cấp sở 58 người, 03 lớp lãnh đạo cấp phòng 243 người, 02 lớp chuyên viên chính 182 người, 01 lớp chuyên viên 66 người, 01 lớp văn hoá công vụ 62 người, 02 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Hộ tịch 188 học viên, 01 lớp quản lý nguồn nhân lực 40 học viên.

⁶⁹ Đợt 1 (từ ngày 16 - 18/3/2023): tổ chức tại thị xã Hoài Nhơn, đào tạo, bồi dưỡng cho 673/678 cán bộ, công chức thuộc 61 xã, phường, thị trấn của các huyện An Lão, Hoài Ân, Phù Mỹ và thị xã Hoài Nhơn, với 1.221 lượt cán bộ, công chức. Đợt 2 (từ 24 - 26/3/2023): tổ chức tại thị xã An Nhơn, đào tạo, bồi dưỡng cho 577/597 cán bộ, công chức thuộc 57 xã, phường, thị trấn của các huyện Phù Cát, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh và thị xã An Nhơn, với 1.096 lượt cán bộ, công chức. Đợt 3 (từ 31/3 - 02/4/2023): tổ chức tại thành phố Quy Nhơn, đào tạo, bồi dưỡng cho 452/462 cán bộ, công chức thuộc 41 xã, phường, thị trấn của các huyện Tuy Phước, Vân Canh và thành phố Quy Nhơn, với 846 lượt cán bộ, công chức.

liệu về cán bộ, công chức, viên chức với Bộ Nội vụ; tỉnh Bình Định đã triển khai thực hiện việc kê khai, bù đắp dữ liệu vào cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh và kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý. Đồng thời, Sở Nội vụ đã phối hợp với Văn phòng Bộ Nội vụ tổ chức hội nghị triển khai thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức cho lãnh đạo Sở Nội vụ các tỉnh khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Đến nay, 100% hồ sơ (32.152 cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Bình Định) được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo dữ liệu “Đúng - Đủ - Sạch - Sống”.

5. Về cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

+ Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn (chưa kể thu vay, huy động đóng góp, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương) ước thực hiện là 13.828.200 triệu đồng, tăng 1,3% so với dự toán, bằng 88% so cùng kỳ năm 2022. Trong đó, thu nội địa thực hiện 13.275.000 triệu đồng, vượt 5,7% dự toán năm, bằng 89,6% so cùng kỳ. Nếu loại trừ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại, thực hiện thu nội địa là 7.500.000 triệu đồng, vượt 8,2% dự toán năm, tăng 5,1% so cùng kỳ.

Trong cơ cấu nguồn thu, có 14/17 khoản thu chiếm tỷ trọng 85,7% dự toán thu nội địa, ước thực hiện đạt và vượt dự toán HĐND tỉnh giao như: thu từ DNNN địa phương vượt 0,8% dự toán, tăng 21,6% so với cùng kỳ; thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh vượt 13,1% dự toán, tăng 7,1% so với cùng kỳ; thuế thu nhập cá nhân vượt 59,9% dự toán, bằng 77,9% so với cùng kỳ; thu phí và lệ phí vượt 14,3% dự toán, bằng 97% so với cùng kỳ; thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước vượt 29,4% dự toán, bằng 2,1 lần so với cùng kỳ; thu tại xã vượt 2,3 lần dự toán năm, bằng 97,3% so với cùng kỳ; thu khác vượt 25,2% dự toán năm, bằng 93,6% so với cùng kỳ; thu từ hoạt động xổ số kiến thiết vượt 16,7% dự toán năm, tăng 1,2% so cùng kỳ...

+ Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện 18.300.940 triệu đồng, đạt 97,9% so với dự toán, bằng 91,4% so với cùng kỳ. Trong đó, chi ngân sách tỉnh 9.917.884 triệu đồng, đạt 95,6% dự toán năm và chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố (kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn) 8.383.056 triệu đồng, đạt 100,6% dự toán năm. Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện là 5.921.337 triệu đồng, đạt 93,9% dự toán năm và bằng 78,2% so với cùng kỳ. Chi thường xuyên: Ước thực hiện 8.685.125 triệu đồng, đạt 100,4% so với dự toán năm và bằng 90,6% so với cùng kỳ

+ Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công: Kế hoạch vốn năm 2023 (tính đến ngày 06/12/2023): 18.997.481 triệu đồng và đã thanh toán 13.289.015 triệu đồng, đạt 69,95% so với kế hoạch.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ. Trong đó:

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 về Danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh. Trong đó, đưa một số tài sản ra khỏi danh mục tài sản mua sắm tập trung của tỉnh bảo đảm theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương thay thế Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 12/02/2022.

Thực hiện đấu thầu thành công 05 gói thầu mua sắm tài sản tập trung⁷⁰. Qua đấu thầu, đã tiết kiệm cho NSNN là 1,58 tỉ đồng và đáp ứng kịp thời nhu cầu của các cơ quan, đơn vị sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh: quyết định bán 05 cơ sở nhà, đất với số tiền nộp NSNN là 58,027 tỉ đồng; quyết định mua sắm 15 xe ô tô, thanh lý 07 xe ô tô.

Qua công tác đấu thầu mua sắm tài sản công, sắp xếp các cơ sở nhà đất, sắp xếp xe ô tô đã góp phần quản lý tài sản công được chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả, tạo nguồn thu cho NSNN; đồng thời tạo điều kiện thực hiện mua mới xe ô tô trang bị cho các cơ quan, đơn vị, thanh lý xe cũ nát, hết thời hạn sử dụng theo quy định.

Cùng với đó, thẩm định phương án giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với 16 dự án có giá đất công bố từ 20 tỷ đồng trở lên với tổng số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp 01 lần đã được UBND tỉnh phê duyệt là 791 tỷ đồng; thẩm định hệ số điều chỉnh giá đất để phục vụ bồi thường GPMB, giá đất tái định cư đối với 27 dự án. UBND tỉnh ban hành quyết định hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất hàng năm đối với 16 khu đất có vị trí thuận lợi.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: đã thẩm tra Phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế xã hội; dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và đề xuất phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao để trình UBND tỉnh giao cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Tính đến thời điểm báo cáo, có tổng cộng 135/135 đơn vị khối tỉnh được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ⁷¹.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 về kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 và các năm tiếp theo.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: Để nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai nhiệm vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, ngay từ đầu năm tỉnh đã kiện toàn Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bình Định⁷² (quy định thành viên bắt buộc phải là người đứng đầu cơ quan, đơn vị). Cụ thể hóa các

⁷⁰Tổng giá trị dự toán được duyệt 58,45 tỷ đồng, tổng giá trị trúng thầu là 56,87 tỷ đồng.

⁷¹ 08 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 17 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 79 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 31 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

⁷² Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của UBND tỉnh

nhệm vụ được giao, UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2023, định hướng đến năm 2025⁷³; Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Bình Định đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030⁷⁴; Chỉ thị phát động phong trào thi đua thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025⁷⁵; xây dựng và ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Bình Định⁷⁶; Quy chế quản lý, vận hành, duy trì, cập nhật hệ thống thông tin phòng chống thiên tai tỉnh⁷⁷.

- Kết quả xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của tỉnh tiếp tục được nâng cấp, gắn với đầu tư phát triển Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (Data Center), bảo đảm hoạt động thông suốt, ổn định. Hệ thống Hội nghị truyền hình của tỉnh và của cấp huyện đã kết nối liên thông phục vụ các phiên họp 4 cấp từ Trung ương đến cấp xã. Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II đã kết nối đến 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin tại 11/11 huyện, thị xã, thành phố; 159/159 xã, phường, thị trấn tiếp tục được quan tâm, bố trí nguồn lực đầu tư nâng cấp, bảo đảm triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác CDS và Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ CDS quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại cấp huyện, cấp xã. 100% các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn đã ứng dụng Hệ thống phần mềm văn phòng điện tử của tỉnh. Về an toàn thông tin tiếp tục đầu tư, xây dựng phương án bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh; duy trì, triển khai giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh theo mô hình “4 lớp”.

- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng; ứng dụng, dịch vụ nội bộ: Hiện nay nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), phục vụ nhu cầu kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Ngoài ra tỉnh đã tích hợp các hệ thống phần mềm dùng chung phục vụ chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh: Hệ thống văn phòng điện tử; xây dựng đưa vào sử dụng thử nghiệm các hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành, Kho dữ liệu số dùng chung.... Các hệ thống thông tin quan trọng đã cơ bản hoàn thành như: Hệ thống thông tin về phòng chống thiên tai; Hệ thống quản lý về cán bộ công chức, viên chức; Hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo viên, học sinh; Hệ thống quản lý công việc... từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng dịch vụ người dân, doanh nghiệp: Các hệ thống ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp cũng được tỉnh quan tâm triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng như: Hệ thống quản lý đất đai, khoáng sản; Cổng thông tin du lịch; Hệ thống truy xuất nguồn gốc; Hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT-VT; Nền tảng địa chỉ số tích hợp bản đồ số các nền tảng y tế và Hệ thống EMR – Bệnh án điện tử; ...Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp

⁷³ Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh

⁷⁴ Kế hoạch 67/KH-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh

⁷⁵ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh

⁷⁶ Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh

⁷⁷ Quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND tỉnh

nhỏ và vừa chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh; thúc đẩy chuyển giao công nghệ số, kích thích sáng tạo, khuyến khích khởi nghiệp phát triển công nghệ số, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số.

- Về an toàn thông tin mạng: Tập trung xây dựng các phương án bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin trên địa tỉnh. Tổng số hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý: 32 hệ thống; trong đó: số hệ thống thông tin đã xây dựng, thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin là 29 hệ thống (02 hệ thống thông tin cấp độ 3 và 27 hệ thống thông tin cấp độ 2). Duy trì, triển khai giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) cho Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh theo mô hình “4 lớp”; thường xuyên thực hiện rà soát, xử lý lỗ hổng bảo mật ảnh hưởng cao, nghiêm trọng theo khuyến nghị của Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông; đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng trong thời gian diễn ra các ngày lễ lớn của đất nước và tổ chức triển khai chiến dịch rà quét mã độc trên không gian mạng đối với phạm vi toàn tỉnh.

- Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh: Thực hiện Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030, tỉnh Bình Định ban hành Kế hoạch triển khai thí điểm dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là IOC) từ năm 2020. Hệ thống IOC của tỉnh đang vận hành với 08 dịch vụ (trong đó: 05 dịch vụ cơ bản và 03 dịch vụ mở rộng). Thông qua hệ thống IOC, bước đầu tạo sự kết nối giữa người dân với các cấp chính quyền, giúp các cấp chính quyền nhanh chóng nắm bắt những sự việc, thông tin nhạy cảm theo thời gian thực, những bất cập của đô thị để kịp thời chỉ đạo giải quyết trên một số lĩnh vực như thông tin và truyền thông, văn hóa - thể thao, Y tế, xây dựng, giao thông vận tải, du lịch, tài nguyên – môi trường từng bước góp phần giữ gìn an ninh trật tự, văn minh đô thị và xây dựng Chính quyền điện tử hiện đại.

- Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

+ Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023 giao chỉ tiêu cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương về 05 nội dung liên quan đến dịch vụ công trực tuyến trong 6 tháng cuối năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đến nay, tỷ lệ hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến tăng 123.092 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2022 đạt 48,08%/50%; Tỷ lệ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí thực hiện TTHC đạt 62.9%/35%, Số hóa hồ sơ đạt 68.15%/100%, Cấp kết quả điện tử 90.8%/100%, khai thác cơ sở dữ liệu dân cư 80.8%/100%.

+ UBND tỉnh ban hành Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh nhằm miễn hoặc giảm phí, lệ phí để khuyến khích cá nhân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Bên cạnh đó, xây dựng và hoàn thành việc triển khai chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh đối với các khoản tiền phí phải thu của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, Công ty cổ phần Môi trường Bình Định, Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bồng Sơn và Trung

tâm Y tế thành phố Quy Nhơn. Đây là các mô hình mới, chưa có tiền lệ trên phạm vi toàn quốc và được Văn phòng Chính phủ ghi nhận đánh giá cao tại Báo cáo số 8244/BC-VPCP ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ.

+ Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 02 Quyết định⁷⁸ công bố 161 TTHC thực hiện thí điểm chỉ tiếp nhận hồ sơ bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định; 02 Quyết định⁷⁹ công bố 941 TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình chiếm 48,6% và công bố 792 TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần, chiếm 40,9%; Kế hoạch⁸⁰ triển khai Mô hình “khám chữa bệnh sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID tại các cơ sở khám chữa bệnh” trên địa bàn tỉnh nhằm thay thế việc yêu cầu công dân xuất trình thẻ bảo hiểm y tế và các giấy tờ tùy thân khác khi đi khám, chữa bệnh tại tất cả các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

+ Thực hiện Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Công văn số 5197/VPCP-KSTT ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ về việc chính thức triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông thiết yếu của Đề án 06. Kết quả đến nay: (i) Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi phát sinh: 9.485 hồ sơ trực tuyến; (ii) Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú phát sinh: 721 hồ sơ trực tuyến; (iii) Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí phát sinh: 1.909 hồ sơ trực tuyến.

+ Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh: năm 2023 có 247.373 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, tăng 123.092 hồ sơ so với cùng kỳ năm trước.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác cải cách hành chính tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng hàng đầu trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh luôn tập trung giải quyết những vấn đề có tính cốt lõi cũng như tiếp tục tháo gỡ những vấn đề cấp bách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

- Trong các Hội nghị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội định kỳ hàng tháng, UBND tỉnh đã tiến hành đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, tập trung trên một số nội dung: tình hình thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các sở, ngành, địa phương; tình hình giải quyết hồ sơ TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ TTHC, khai thác cơ sở dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC. Qua

⁷⁸ Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 05/04/2023 và Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

⁷⁹ Quyết định số 3533/QĐ-UBND ngày 23/09/2023 và Quyết định số 3532/QĐ-UBND ngày 23/09/2023 của UBND tỉnh

⁸⁰ Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 05/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Mô hình “khám chữa bệnh sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID tại các cơ sở khám chữa bệnh” trên địa bàn tỉnh.

đó giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính, góp phần hoàn thành tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

2. Một số hạn chế và khó khăn, vướng mắc

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính liên thông còn gặp một số bất cập dẫn đến tình trạng giải quyết hồ sơ trễ hạn, đặc biệt đối với các thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng...

- Công tác thực hiện chuyển đổi số chưa thực sự đồng bộ trên các lĩnh vực, chưa có sự thống nhất chung trong sử dụng phần mềm phục vụ công tác quản lý và điều hành, giải quyết công việc, tích hợp và chia sẻ dữ liệu.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Chỉ đạo các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “*về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*”; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị “*về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030*”; Kết luận số 50-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” một cách đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thực tiễn đơn vị, địa phương.

2. Tiếp tục hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra trong Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp. Chỉ đạo các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh triển khai các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2024, trong đó tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) năm 2023.

3. Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung về vị trí việc làm, tinh giản biên chế theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Triển khai thực hiện Kế hoạch sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025. Nghiên cứu, thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp.

4. Triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã. Triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 – 2025. Tiếp tục hoàn thành hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính.

5. Tập trung mở lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn đáp ứng yêu cầu thực hiện chính quyền điện tử, chính quyền số.

6. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động công vụ đối với các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với cấp xã (kiểm tra việc chấp hành thời gian làm việc, xử lý công việc hằng ngày, văn hóa ứng xử của cán bộ, công chức với người dân; việc tuân thủ các quy định, quy chế, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu ...).

8. Tiếp tục hoàn thiện, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Cổng Dịch vụ công quốc gia và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp. Xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu, nền tảng ứng dụng dùng chung của tỉnh nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan nhà nước và chất lượng cung ứng dịch vụ công cho người dân, tổ chức trên môi trường số...

9. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để phục vụ tốt hơn cho người dùng, nhất là tái cấu trúc quy trình đối với các dịch vụ công trực tuyến theo hướng: không yêu cầu người dân, doanh nghiệp phải cung cấp lại những thông tin, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và dữ liệu đã được số hóa, chia sẻ.

10. Ban hành Quyết định Quy chế thực hiện công tác số hoá và tái sử dụng dữ liệu thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

11. Ban hành Kế hoạch thúc đẩy việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Để việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trên cổng Dịch vụ công quốc gia được thuận lợi, kiến nghị Văn phòng Chính phủ xem xét điều chỉnh giao diện thanh toán thật thuận lợi cho người dùng; đề nghị các trung gian thanh toán trả trạng thái thanh toán và chứng từ thanh toán kịp thời để địa phương thực hiện tốt việc tiếp nhận hồ sơ và trả hồ sơ thủ tục hành chính; đồng thời hướng dẫn cụ thể quy trình hoàn trả phí, lệ phí khi thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Kiến nghị Văn phòng Chính phủ đề nghị các Trung gian thanh toán tiếp tục miễn phí khi thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trên Cổng Dịch vụ công quốc gia nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp đẩy mạnh thực hiện thanh toán trực tuyến.

3. Để nhận và tích hợp các thông tin về đăng ký doanh nghiệp vào Hệ thống thông tin một cửa điện tử tại địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần tiếp tục quan

tâm thực hiện chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thống nhất giữa các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

UBND tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ xem xét tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Cục Chuyển đổi số quốc gia;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

Phụ lục I
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / / 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	110	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	27	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	27	Trong đó: Rút 01 nhiệm vụ và hoãn 01 nhiệm vụ: - Quy định chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (theo Quyết định

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 4128/QĐ-UBND ngày 07/11/2023) - Tuyển dụng công chức cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh (Văn bản số 1698/UBND-NC ngày 27/3/2023 về việc tuyển dụng công chức)
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	10	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	10	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra		5	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	100	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	168	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	79	Đang tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định đối với 89 nhiệm vụ trong hạn
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	4.824	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL⁸¹ do địa phương ban hành	Văn bản	173	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	128	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	43	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	02	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	43	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	106	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	106	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	106	

⁸¹ Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	34	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	53	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	72	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2039	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	1551	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	333	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	155	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	391	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	218	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	-	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,94%	(3.1.2)/(3.1.1)
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	96883	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	96822	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,86%	(3.2.2)/(3.2.1)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	146.923	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	146.713	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,91%	(3.3.2)/(3.3.1)
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	266.928	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	266.684	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	159	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	152	Còn 07 PAKN đang giải quyết còn trong hạn

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	4	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	720	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	07	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	122	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	591	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	17,53	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.187	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2.037	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	-	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	08	Thực hiện chế độ tinh giản
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	13,63	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	25.938	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	23.770	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	32	Thực hiện chính sách tinh giản
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	15,77	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	22/22	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	721/721	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	-	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	30	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	6	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	932	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	-	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	1	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	3	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	54	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	-	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	69,95%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	18.997.481	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	13.289.015	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	738	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	8	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	38	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	202	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	10	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	30	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	162	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	490	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/12/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i>)	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/12/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100,00%	(1.4.2)/(1.4.1)
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	847	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	847	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	495	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100,00%	(1.5.2)/(1.5.1)
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	931	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	931	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	480	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	80,88%	(1.6.2)/(1.6.1)
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1.778	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.438	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/12/2023)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	83,82%	(1.7.2)/(1.7.1)
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	292.418	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	245.094	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100,00%	(1.8.2)/(1.8.1)
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	558	
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	558	

Phụ lục II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023
TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / / 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Nhiệm vụ	Hoạt động/Sản phẩm	Cơ quan chủ trì
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH		
1	Tổ chức tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2022 và triển khai nhiệm vụ công tác cải cách hành chính tỉnh năm 2023	Kế hoạch 24/KH-UBND ngày 20/02/2023 tổ chức Hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2022	Sở Nội vụ
1.1	Công bố kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2022	Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 31/02/2023; Quyết định số 4509/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 22/02/2023	Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư
1.2	Khen thưởng tổ chức, cá nhân đạt thành tích trong phong trào thi đua cải cách hành chính năm 2022	Quyết định 599/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	Sở Nội vụ
2	Kế hoạch nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025	Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 05/04/2023	Sở Nội vụ
3	Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2023	Quyết định 707/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	Sở Nội vụ
4	Kế hoạch truyền thông về cải cách hành chính năm 2023	Tờ trình 19/TTr-STTTT ngày 09/3/2023	Sở Thông tin và Truyền thông
5	Quy định và Bộ Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh phù hợp với Bộ Chỉ số của Bộ Nội vụ và thực tiễn công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh	Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh	Sở Nội vụ

6	Kế hoạch xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2023 đối với các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quyết định số 3718/QĐ-UBND - 09/10/2023 của UBND tỉnh	Sở Nội vụ
7	Kế hoạch đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023	Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh	Sở Nội vụ
8	Kế hoạch khảo sát đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2023	3453/QĐ-UBND - 18/09/2023] Ban hành Kế hoạch khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định năm 2023	Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	Triển khai các hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy năm 2023		
9.1	Kế hoạch sơ kết giữa nhiệm kỳ Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy	Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 12/5/2023 của Ban Chỉ đạo	Sở Nội vụ
9.2	Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy	Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 12/5/2023 của Ban Chỉ đạo	Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ		
10	Ban hành các kế hoạch: Kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2023	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Sở Tư pháp
11	Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định	Kế hoạch số 329/QĐ-UBND ngày 06/02/2023	Sở Tư pháp
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		

12	Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023	Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 31/01/2023	Văn phòng UBND tỉnh
13	Triển khai thực hiện Quyết định số 3979/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025	1458/QĐ-UBND - 29/04/2023] Công bố Danh mục thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định và Quyết định số 3744/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố bổ sung Danh mục 37 thủ tục hành chính nội bộ của các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính thực hiện trên địa bàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh
14	Kế hoạch thực hiện thí điểm việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.		Văn phòng UBND tỉnh
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		
15	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Quyết định 424/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nội vụ
16	Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập.	Tờ trình số 607/TTr-SNV ngày 28/9/2023 về việc tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025	Sở Nội vụ
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ		
17	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức giai đoạn 2023 – 2025, định hướng đến năm 2030	Kế hoạch số 2106/QĐ-UBND ngày 13/6/2023	Sở Nội vụ

18	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 -2025.	Kế hoạch số 424/QĐ-UBND ngày 17/2/2023	Sở Nội vụ
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		
19	Điều chỉnh Kế hoạch, lộ trình tại Quyết định số 4817/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định hiện hành	Quyết định số 3416/ QĐ-UBND ngày 14/9/2023 ban hành Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo	Sở Tài chính
20	Quy định về Danh mục dịch vụ công; Quy định về khung giá dịch vụ sự nghiệp công lập theo các quy định, hướng dẫn của Trung ương	Quyết định 3416/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 ban hành Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo	Sở Tài chính
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ		
21	Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023, định hướng đến năm 2025	Kế hoạch số 44/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	Sở Thông tin và Truyền thông
22	Đề án thực hiện kết nối trao đổi thông tin giữa cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký đất đai	- Văn bản số 3939/UBND-KSTT ngày 14/6/2023 của UBND tỉnh về việc tiếp tục triển khai thử nghiệm Hệ thống thông tin quản lý đất đai - Văn bản số 7620/UBND-KSTT ngày 16/10/2023 của UBND tỉnh về việc thử nghiệm Hệ thống thông tin quản lý đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Cục thuế tỉnh, VNPT triển khai thử nghiệm Hệ thống thông tin quản lý	Sở Tài nguyên và Môi trường

		đất đai (phần mềm VNPT-iLis) trên địa bàn 03 huyện Tuy Phước, An Lão, Tây Sơn nhằm liên thông thuế điện tử giữa Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện (Cơ quan đăng ký đất đai) với Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế khu vực (Cơ quan Thuế) qua Ứng dụng quản lý Trước bạ nhà đất và liên thông với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (phần mềm VNPTiGate); tiếp tục thử nghiệm hệ thống thông tin quản lý đất đai trên địa bàn các huyện: Phù Cát, Phù Mỹ và thành phố Quy Nhơn theo Công văn số 3939/UBND-KSTT ngày 14/6/2023 của UBND tỉnh.	
23	Đề án kho dữ liệu dùng chung	Kế hoạch số 44/QĐ-UBND ngày 10/3/2023	Sở Thông tin và Truyền thông
24	Ban hành danh mục thủ tục hành chính thực hiện thí điểm chỉ tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Định	Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	Văn phòng UBND tỉnh
25	Đề án đẩy mạnh chuyển đổi số tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm nâng cao công tác phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	Văn phòng UBND tỉnh